

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HS-ST
Ngày: 24-3-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Khắc Thịnh

Thẩm phán: Ông Bùi Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Văn Tài
2. Ông Huỳnh Ngọc Trước
3. Ông Lê Quang Trí

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhựt Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Minh T (tên gọi khác: A), Giới tính: Nam; sinh năm 19XX, tại tỉnh Đ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Bình C, xã Bình T, huyện Thanh B, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Phụ giúp gia đình; Trình độ học vấn: XX/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Cha: Nguyễn Văn L, sinh năm 19XX; Mẹ: Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 19XX; Bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con út; Vợ: Chưa có; Tiền sự: Ngày 25/4/2016, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 25 triệu đồng về hành vi buôn bán, vận chuyển hàng cấm là thuốc lá điều nhập lậu (chưa nộp phạt); Tiền án: Không; Tạm giữ ngày 22/9/2019 (trường hợp ra đầu thú); Tạm giam ngày 25/9/2019. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh T theo yêu cầu: Luật sư Huỳnh Thị Quỳnh Hoa - Văn phòng luật sư Quỳnh Hoa thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- Người bị hại:

1. Cao Minh H, sinh năm 19XX (chết).

Người đại diện hợp pháp cho bị hại Cao Minh H là bà Nguyễn Thị O, sinh năm 19XX (mẹ bị hại);

Nơi cư trú: Ấp Bình C, xã Bình T, huyện Thanh B, tỉnh Đ.

2. Trần Thị Phương T2, sinh năm 19XX (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp Bình C, xã Bình T, huyện Thanh B, tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Đặng Long H1, sinh năm 19XX (có mặt);

2. Đặng Thị Bạch Y, sinh năm 19XX (có mặt);

3. Nguyễn Văn L, sinh năm 19XX (có mặt);

4. Nguyễn Thị Liễu T3, sinh năm 19XX (có mặt);

Cùng cư trú: Ấp Bình C, xã Bình T, huyện Thanh B, tỉnh Đ.

5. Huỳnh Thị Tuyết L1, sinh năm 19XX (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số XX/27, đường Trần Hưng Đạo, khu phố X, phường V, thành phố R, tỉnh K.

6. Trần Thanh T4, sinh năm 19XX (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp Bình T, xã Bình T, huyện Thanh B, tỉnh Đ.

- Người làm chứng:

1. Trần Văn Đ, sinh năm 19XX (có mặt);

2. Đặng Tấn T5, sinh năm 19XX (có mặt);

3. Nguyễn Nhật H2, sinh năm 19XX (có mặt);

4. Lê Ngọc B, sinh năm 19XX (vắng mặt);

5. Cao Minh T6, sinh năm 19XX (có mặt);

6. Phạm Thị S, sinh năm 19XX (vắng mặt);

Cùng cư trú: Ấp Bình C, xã Bình T, huyện Thanh B, tỉnh Đ.

7. Nguyễn Thị Mỹ T7, sinh năm 19XX (có mặt);

8. Nguyễn Quốc A, sinh năm 19XX (có mặt);

Cùng cư trú: Ấp Bình Đ, xã Bình T, huyện Thanh B, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hành vi cướp giật tài sản:

Khoảng 19 giờ ngày 29/9/2018, sau khi uống rượu, Nguyễn Minh T mượn xe mô tô của một người bạn (không nhớ của ai và không nhớ biển số xe) chạy trên đường đal thuộc ấp Bình C, xã Bình T, huyện Thanh B để vào nhà bạn chơi. Lúc này, ở phía trước cùng chiều có xe mô tô biển số 6XM1- XXXXX do chị Trần Thị Phương T2 điều khiển. T thấy ở túi quần phía sau bên trái của chị T2 có một điện thoại di động hiệu OPPO, T nảy sinh ý định chiếm đoạt, nên điều khiển xe vượt lên bên trái xe của T2. Khi xe ngang xe của T2, T dùng tay trái chụp lấy điện thoại của T2. Sau khi giật được điện thoại, T tăng ga nhanh chóng bỏ chạy.

Khi bị giật điện thoại, chị T2 nhận ra ngay người giật điện thoại của mình là T, vì T là bạn bè thường đi chơi chung và nhà ở gần nhà nhau nên chị T2 gọi tên “T”. Nghe T2 gọi, T quay đầu nhìn lại rồi tiếp tục chạy đi, chị T2 đuổi theo không

kip. T đến tiệm điện thoại của anh Trần Thanh T4, nói dối là điện thoại của người bạn nhờ cầm giùm, anh T4 tưởng thật nên thống nhất cầm giá 300.000đ. T đi ra xe định chạy đi thì chị T2 cùng bà Phạm Thị S (mẹ ruột của T2) đến gặp T. Bà S hỏi T điện thoại của T2 đâu thì T nói không có lấy và nhanh chóng chạy xe đi. Bà S chụp được cái áo khoác đang để trên ba ga xe của T, rồi đến trình báo Công an xã Bình T, huyện Thanh B. T chạy xe về hướng chợ Thanh B, đi một đoạn thì anh T4 gọi điện cho T hỏi điện thoại vừa cầm là của ai. T trả lời là của bạn. T4 nói: *“Thôi lu bu quá, đang ở đâu để trả lại điện thoại”*. Sau đó, T gọi điện cho người bạn tên Nguyễn Quốc A nhờ A đến gặp T4 lấy điện thoại vừa cầm về giao lại cho T. T nhờ chị Trần Thị Kim Y (Y là chị của bạn gái T) trả lại điện thoại cho chị T2. Sau đó T bỏ trốn đến thành phố Rạch G, tỉnh K để buôn bán phụ giúp gia đình.

Về vật chứng đã thu giữ: Ngày 29/9/2018 bị hại Trần Thị Phương T2 đến cơ quan điều tra Công an huyện Thanh B giao nộp cho 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1s màu trắng hồng, đã qua sử dụng, màn hình bị rạn nứt, bên trong có 01 sim Mobifone số 01262961990 là điện thoại của chị T2 bị T chiếm đoạt. Ngày 30/9/2019 giao nộp 01 cái áo khoác của T tay dài màu đỏ, ở ngực trái có mạc màu vàng - xanh có chữ Brazil, áo đã qua sử dụng. Xét thấy không cần thiết tạm giữ, ngày 04/10/2018 Cơ quan điều tra đã trao trả điện thoại và sim nêu trên cho chị T2.

Bản kết luận định giá tài sản số 53/KL-HĐ ngày 04/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thanh B đã kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1s màu trắng; số IMEI 1: 863091036958770; số IMEI 2: 863091036958762 màn hình bị nứt, đã qua sử dụng. Giá trị 967.000đ (Chín trăm sáu mươi bảy ngàn đồng).

Hiện chị T2 đã nhận lại đủ tài sản, chị không yêu cầu T bồi thường và không yêu cầu xử lý hình sự đối với T.

Anh Trần Thanh T4 yêu cầu bị cáo T bồi thường 300.000đ, bị cáo đồng ý nhưng chưa bồi thường.

Hành vi giết người:

Sau khi cướp giật tài sản của bị hại, T bỏ trốn về phụ giúp gia đình buôn bán kiếm sống ở thành phố Rạch G, tỉnh K, thỉnh thoảng T có trở về ấp Bình C, xã Bình T, huyện Thanh B chơi và thăm bạn bè. Khi đi ra ngoài, T thường xuyên mang theo bên mình con dao xếp màu đen, dài 25,5cm, lưỡi dài 12cm, nơi rộng nhất 2,5cm, mũi dao sắc nhọn để phòng thân.

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 21/9/2019, sau khi đã uống rượu bia, T điều xe mô tô biển số 6XS1-XXXXX chở bạn gái tên Nguyễn Thị Mỹ T7 về nhà T7 ở ấp Bình Đ, xã Bình T, huyện Thanh B. Khi đang đi trên Quốc lộ 30, T thấy một người thanh niên tên H2 chạy xe mô tô cùng chiều lạng lách, nẹt pô... nên T đuổi theo rẽ vào đường đal thuộc ấp Bình C, xã Bình T, huyện Thanh B nhưng không tìm được H2. Tức giận T xuống xe chửi thề lớn tiếng và hỏi anh Trần Văn Đ *“anh biết nhà thằng H2 ở đâu không, lúc này nó chạy xe nẹt pô rồi ép xe em nữa, em tìm đâm chết*

mẹ nó,”. Thấy T đã có uống rượu nên anh Đ nói không biết nhà Hào ở đâu, khuyên can T về đi, nhưng T không nghe. T lấy con dao từ trong túi quần ra cầm trên tay phải đi vào con hẻm gần lề đường để tìm H2, vừa đi T vừa chửi thề lớn tiếng, nhưng vẫn không tìm được nhà H2 nên T quay trở lại đường đal. Lúc này, anh Cao Minh H đang đứng gần đó nên T nhào tới câu cổ anh H và cầm dao nhá nhá anh H. Anh Đặng Long H1 đứng gần đó khuyên ngăn T: “*anh em có gì từ nói, bỏ dao xuống đi em*”. H1 vừa nói xong thì T buông H ra rồi chạy tới chỗ H1 đang đứng vung dao đâm H1 bị thương nhẹ ngoài da vùng cổ nên H1 nói “*Anh có làm gì đâu mà em đâm anh*”. H1 nói xong thì T tiếp tục vung dao đâm tiếp trúng vào vùng hông bên phải của H1 bị thương tích nhẹ ngoài da. Tức giận, anh H1 chạy vào nhà lấy cái lạng chày ra, thì T lên xe cho Đ chở chạy được khoảng 10 mét. Anh H1 cầm lạng chày theo đánh nhiều cái vào người T (không nhớ trúng đâu) và một cái trúng vào trán gây chảy máu, H1 bỏ đi lại nhà bà Y và ném cái lạng phía trước nhà bà Y. T xuống xe, cầm dao đi lại trước quán giải khát nhà Y. Thấy T cầm dao nên bà Y khuyên T bỏ dao xuống nhưng T vẫn cầm dao, bà Y sợ quá kéo H1 vào trong nhà, đóng cửa lại. T xông tới dùng tay xô đẩy cửa nhà làm ngã bàn ghế làm bể vài cái ly thủy tinh của bà Y.

Anh Cao Minh H sau khi bị T vô cớ dùng dao tấn công, khi thấy T có thái độ hung hăng đang cầm dao xô đẩy cửa nhà bàn ghế của bà Y nên anh H lấy 01 cây chia (dài khoảng 03m, nhiều mũi) đi lại trước cửa nhà bà Y để phòng thân và khuyên can, nhưng T không nghe mà tiếp tục lớn tiếng cự cãi với anh H. T cầm dao định tấn công thì anh H lấy 01 cây chia ném (phóng) về phía T nhưng không trúng, anh H tiếp tục lấy 02 cái lạng ở khu vực nhà bà Y đứng thủ thân. T cầm dao xông vào nên anh H cầm lạng đánh từ trên xuống thì T tay trái cầm dao đưa lên đỡ và tiếp tục xông vào đâm liên tiếp nhiều cái vào người của H (*không nhớ rõ bao nhiêu cái*) trong đó có vết thương gây đứt động mạch cảnh chung bên phải và thủng màng phổi phải. H đi vài bước thì ngã quỵ xuống đường bất tỉnh. Thấy H bị đâm nên anh Đ truy hô để mọi người cứu giúp, thì T mang theo dao lên xe chở T7 chạy khỏi hiện trường. Anh H được anh H1 và anh Đ chở đến Trung tâm y tế huyện Thanh B cấp cứu nhưng trên đường đi đã tử vong.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 787/KL-KTHS, ngày 30/9/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận đối với Cao Minh H: Bị đa chấn thương (8 vết thương) trong đó vết thương do vật sắc nhọn tác động làm đứt động mạch cảnh chung bên phải và thủng màng phổi phải gây mất máu cấp là nguyên nhân gây tử vong.

Sau khi gây án T điều khiển xe chở Tiên khoảng 200m thì ngã xe rơi con dao là hung khí vừa đâm H xuống mặt đường. T bỏ lại con dao gây án và tiếp tục đỡ xe lên điều khiển chở T7 về thành phố Rạch G, tỉnh K. Tại đây, T gặp ông Nguyễn Văn L (cha của T), chị T7 và ông L khuyên T về tỉnh Đ đầu thú. Ngày 22/9/2019, T chở Tiên đến Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp đầu thú lúc 19 giờ 30 phút và thừa nhận toàn bộ hành vi dùng dao đâm anh H tử vong.

Về vật chứng đã thu giữ:

- Thu giữ tại hiện trường: 01 đôi dép quay kẹp màu vàng; 01 đôi dép quay kẹp màu đen hiệu BODONI; Các mảnh thủy tinh vỡ; 01 mảnh nhựa màu đỏ trắng; Con dao xếp màu đen, dài 25,5cm, lưỡi dài 12cm, nơi rộng nhất 2,5cm, mũi nhọn. *(qua nhận dạng Trí xác định con dao này của T đâm anh H tử vong.*

- Ngày 23/10/2019 anh Đặng Long H1 giao nộp 01 cái leng bằng kim loại màu xám dài 77,2cm, phần lưỡi dài 22,5cm, nơi rộng nhất của lưỡi là 9cm.

- Ngày 22/10/2019 bà Đặng Thị Bạch Y giao nộp 01 cái leng bằng kim loại màu xám dài 1,14m, lưỡi dài 23cm, nơi rộng nhất của lưỡi là 10.5cm.

- Thu giữ của tử thi 01 quần đùi màu xám đen.

- Thu giữ của T đầu thú giao nộp: 01 xe mô tô biển số 6XS1-XXXXX, số máy C100ME0085268, số khung C100ME0085268, đèn nhan phía trước bên phải bị bể; 01 cái áo vải đen tay dài, 04 cúc áo phía dưới bị đứt mất, tay áo bên phải phía sau bị rách; 01 cái quần sọt Jean màu xám, bị rách túi nhỏ trên bên phải, nhãn hiệu COLLECTION; 01 quần lót màu đen hiệu TOMMY.

Qua xác minh xe mô tô biển số 6XS1-XXXXX chủ sở hữu là bà Huỳnh Thị Thúy L1, đăng ký ngày 24/7/1996. Bà L1 bán cho ông Nguyễn Văn L chưa sang tên. Ông L trình bày trước ngày 21/9/2019 (khoảng 02 ngày) thì T có hỏi mượn xe để chở T7 về tỉnh Đ thăm con riêng của T7. Do đó cần xem xét trả lại xe này lại cho ông L.

Đối với cây chia, quá trình điều tra cơ quan điều tra đã truy tìm tại nơi xảy ra vụ án nhưng không tìm được.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Cao Minh H có cha tên Cao Văn H3 sinh năm 19XX (đã chết trên 10 năm), mẹ tên Nguyễn Thị O sinh năm 19XX. Năm 2007, anh H sống chung với chị Nguyễn Thị P sinh năm 19XX, có 03 người con chung tên: Nguyễn Thị Tường V, sinh năm 16/7/20XX; Cao Minh Đ1, sinh ngày 18/9/20XX; Cao Thị Trúc L2, sinh ngày 01/7/20XX. Nhưng giữa anh H và chị P không có đăng ký kết hôn. Trước ngày xảy ra vụ án chị P đã bỏ đi khỏi địa phương, gia đình không biết chị P ở đâu và cũng không liên lạc được. Hiện nay các con của anh H do bà Nguyễn Thị O nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị O đại diện theo pháp luật cho bị hại H yêu cầu bị cáo T bồi thường các khoản chi phí mai táng 40.000.000đ, bồi thường tiền tổn thất tinh thần và cấp dưỡng nuôi 03 đứa con của H theo quy định pháp luật.

Quá trình điều tra, bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường cho gia đình bị hại 40.000.000đ tiền mai táng phí. Số tiền còn lại là tổn thất tinh thần và cấp dưỡng nuôi 03 đứa con của bị hại, T thống nhất bồi thường theo yêu cầu của đại diện hợp pháp bị hại và đã bồi thường được 20.000.000đ.

Trong vụ án này anh Đặng Long H1 và bị cáo T chỉ bị thương tích nhẹ, cả hai từ chối giám định, không yêu cầu xử lý hình sự và không yêu cầu bồi thường dân sự. Do đó cơ quan điều tra không xem xét xử lý về hành vi gây thương tích là phù hợp.

Đối với bà Đặng Thị Ngọc Y là người bán nước giải khát, T có làm vỡ vài cái ly thủy tinh của bà nhưng bà Y không yêu cầu T bồi thường nên không đề cập xử lý.

Tại cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh T về các tội “Giết

người” và “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 và điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp giữ nguyên quyết định truy tố, phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm các tội “Giết người” và “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T mức hình phạt tù từ 17 năm đến 18 năm tù về tội “Giết người”; 03 năm đến 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung cho hai tội, đề nghị Tòa tuyên phạt bị cáo từ 20 năm đến 22 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo T đồng ý bồi thường theo yêu cầu của phía người đại diện hợp pháp cho bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo.

Về xử lý vật chứng, đề nghị Tòa tuyên như phần nội dung quyết định bản cáo trạng đã nêu.

Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm thống nhất với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều khoản của tội danh áp dụng đối với bị cáo. Đồng thời, vị luật sư cũng viện dẫn các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú. Bị hại T2 đã nhận lại tài sản bị cướp giật xong. Bị cáo đã tác động gia đình khắc phục 300.000 đồng cho anh T4 cũng như khắc phục một phần hậu quả cho bị hại H, được bị hại T2 và đại diện hợp pháp của bị hại H xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Gia đình bị cáo có công với Cách mạng, cha của là ông Nguyễn Văn L đi bộ đội tham gia chiến trường Campuchia được Chủ tịch nước tặng Huân chương chiến công hạng 3, huy hiệu 30 năm tuổi đảng, có thời gian làm bí thư chi bộ ấp Bình C được tặng nhiều giấy khen; cậu ruột của bị cáo là ông Nguyễn Hữu T8 được Chủ tịch nước tặng Huân chương chiến công hạng 3, ông của bị cáo là liệt sĩ. Bản thân bị cáo được Giám đốc Công an tỉnh Đồng Tháp tặng Giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc để đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Minh T không có ý kiến bổ sung cũng không tranh luận, thống nhất với quan điểm của luật sư bào chữa cho mình. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người đại diện hợp pháp cho bị hại không tham gia tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, các cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của các cơ quan, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Minh T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo khẳng định hành vi được mô tả trong bản cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là đúng với hành vi phạm tội của bị cáo. Do không có tiền tiêu xài nên bị cáo T đã sử dụng xe mô tô đi giết 01 điện thoại di động hiệu Oppo trị giá là 967.000 đồng của bị hại Trần Thị Phương T2, trong lúc chị đang điều khiển xe mô tô cùng chiều. Sau đó, trong thời gian lẩn trốn, Trí tiếp tục thực hiện hành vi giết người. Chỉ vì nghi ngờ người tên H2 chạy xe nẹt pô, lạng lách phía trước xe của mình nên T cầm dao đi tìm để đâm H2. Khi không tìm được Hào, bị cáo không chịu về mà tiếp tục có lời lẽ thô tục lớn tiếng, dùng dao mang theo sẵn, khống chế và gây thương tích cho anh Đặng Long H1 và anh Cao Minh H. Từ đó, xảy ra cự cãi, xô xát đánh nhau với anh H1 và anh H. Trong lúc đánh nhau, T cầm dao xông vào nên anh H cầm leng đánh từ trên xuống thì T tay trái cầm dao đưa lên đỡ và tiếp tục xông vào đâm liên tiếp nhiều cái vào người của H dẫn đến tử vong.

Lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại Trần Thị Phương T2, người đại diện hợp pháp của bị hại Cao Minh H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng cùng với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Minh T đã phạm vào tội “Giết người” được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự và tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự;

Tại điểm g khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:...

a) ...

n) Có tính chất côn đồ.

Tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

d. Dùng thủ đoạn nguy hiểm.

...

[3] Bị cáo Nguyễn Minh T là người đã trưởng thành, có thể chất, tinh thần phát triển bình thường, có khả năng điều khiển hành vi, giao tiếp xã hội, nhận thức được pháp luật, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định. Bị cáo nhận thức được tính mạng, sức khỏe và tài sản hợp pháp của con người luôn được pháp luật bảo vệ. Nếu người nào có hành vi xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe và tài sản của họ một cách trái pháp luật đều bị xử lý nghiêm minh. Chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, sử dụng xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ áp sát vào xe mô tô của bị hại Trần Thị Phương T2, trong lúc bị hại đang điều khiển cùng chiều, đề giật và chiếm đoạt điện thoại di động hiệu Oppo trị giá là 967.000 đồng của bị hại một cách trái pháp luật. Sau đó, trong thời gian lẩn trốn, trên đường điều khiển xe mô tô chở bạn gái về nhà, do nghi ngờ người tên H2 chạy xe nẹt pô, lạng lách phía trước xe của mình nên T cầm dao đi tìm để đâm H2. Khi không tìm được H2, bị cáo không chịu về mà tiếp tục có lời lẽ thô tục lớn tiếng, dùng dao mang theo sẵn, khống chế và gây thương tích cho anh Đặng Long H1 và anh Cao Minh H dẫn đến việc hai bên cự cãi, xô xát đánh nhau. Với bản chất hung hãn, côn đồ, bị cáo đã quyết tâm thực hiện hành vi phạm tội, đã tước đoạt mạng sống của bị hại Cao Minh H một cách trái pháp luật. Chứng tỏ hành vi của bị cáo là cố ý và thực hiện tội phạm đã hoàn thành.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ tài sản của bị hại T2, xâm phạm đến tính mạng của bị hại H mà còn làm ảnh hưởng cuộc sống gia đình bị hại, gây ra mất mát đau thương không gì có thể bù đắp được. Hành vi đó đã thể hiện sự xuống cấp về đạo đức, gây mất trật tự trị an ở địa phương, bị quần chúng xã hội lên án, xâm phạm đến kỷ cương pháp luật Nhà Nước. Bị cáo thực hiện hành vi một cách táo bạo, liều lĩnh, với quyết tâm cao, thực hiện đến cùng. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử là việc làm cần thiết. Đối với bị cáo cần áp dụng mức hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài để cải tạo giáo dục bị cáo, giữ gìn kỷ cương pháp luật Nhà Nước đồng thời cũng để răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Bị hại Trần Thị Phương T2 đã nhận lại tài sản bị cướp giật xong. Sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú và đã tác động gia đình khắc phục 300.000 đồng cho anh Trần Thanh T4 cũng như khắc phục một phần hậu quả cho bị hại Cao Minh H, được bị hại T2 và đại diện hợp pháp của bị hại H xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Gia đình bị cáo có công với Cách mạng, cha của là ông Nguyễn Văn L đi bộ đội tham gia chiến trường Campuchia được Chủ tịch nước tặng Huân chương chiến công hạng 3, huy hiệu 30 năm tuổi đảng, có thời gian làm bí thư chi bộ ấp Bình Chánh được tặng nhiều giấy khen; cậu ruột của bị cáo là ông Nguyễn Hữu T8 được Chủ tịch nước tặng Huân chương chiến công hạng 3; bị cáo có người ông là liệt sĩ. Bản thân bị cáo được Giám đốc Công an tỉnh Đồng Tháp tặng Giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ

quốc. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần xem xét áp dụng khi xem xét mức hình phạt đối với bị cáo.

Đối với Trần Thanh T4 không biết điện thoại Trí đem cầm là tài sản do phạm tội mà có, do đó Cơ quan điều tra không xử lý là hoàn toàn phù hợp.

[6] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều khoản của tội danh cũng như các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Xét lời bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh T của vị luật sư về các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ nên chấp nhận. Đối với đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là chưa phù hợp nên không chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, người đại diện hợp pháp cho bị hại Cao Minh H là bà Nguyễn Thị O yêu cầu bị cáo T bồi thường các khoản chi phí mai táng 40.000.000đ, bồi thường tiền tổn thất tinh thần và cấp dưỡng nuôi 03 người con của H theo quy định pháp luật. Bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường cho gia đình bị hại H 40.000.000đ tiền mai táng phí và đưa trước cho gia đình bị hại H số tiền 30.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị O yêu cầu bị cáo T bồi thường tiền tổn thất tinh thần theo quy định pháp luật tương đương 100 tháng lương cơ sở, bằng số tiền 149.000.000 đồng và cấp dưỡng cho các cháu Nguyễn Thị Tường V, sinh năm 16/7/20XX; Cao Minh Đ1, sinh ngày 18/9/20XX; Cao Thị Trúc L2, sinh ngày 01/7/20XX là con của bị hại H đến 18 tuổi theo quy định của pháp luật. Xét yêu cầu của bà O là có căn cứ. Tại phiên tòa, bị cáo T thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bà O nên ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo T. Theo đó, bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại Cao Minh H là bà Nguyễn Thị O tiền bồi thường tổn thất tinh thần 149.000.000 đồng nhưng trừ đi 30.000.000 đồng đưa trước, bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 119.000.000 đồng và cấp dưỡng hàng tháng cho các cháu Nguyễn Thị Tường V, sinh năm 16/7/20XX; Cao Minh Đ1, sinh ngày 18/9/20XX; Cao Thị Trúc L2, sinh ngày 01/7/20XX là con của bị hại H mỗi cháu bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở tương đương số tiền 745.000 đồng cho đến khi các cháu V, Đ1 và L2 đủ 18 tuổi.

Đối với yêu cầu của anh Trần Thành T4, trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho anh T4 xong. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T4 không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 cái áo khoác của T tay dài màu đỏ, ở ngực trái có mạc màu vàng - xanh có chữ Brazil, áo đã qua sử dụng; 01 cái áo vải đen tay dài, 04 cúc áo phía dưới bị đứt mất, tay áo bên phải phía sau bị rách; 01 cái quần sọt Jean màu xám, bị

rách túi nhỏ trên bên phải, nhãn hiệu COLLECTION; 01 quần lót màu đen hiệu TOMMY là tài sản của bị cáo T. Xét thấy, cần trả lại cho bị cáo T sử dụng.

Đối với 01 xe mô tô biển số 6XS1-XXXXX, số máy C100ME0085268, số khung C100ME0085268, đèn nhan phía trước bên phải bị bể là tài sản của ông Nguyễn Văn L (cha của T). Việc Trí sử dụng xe này để gây án ông L không biết. Xét thấy, cần trả lại cho ông Nguyễn Văn L.

Đối với 01 cái leng bằng kim loại màu xám dài 77,2cm, phần lưỡi dài 22,5cm, nơi rộng nhất của lưỡi là 9cm do anh Đặng Long H1 giao nộp là tài sản của anh H1. Xét thấy, cần trả lại cho anh H1 sử dụng.

Đối với con dao xếp màu đen, dài 25,5cm, lưỡi dài 12cm, nơi rộng nhất 2,5cm, mũi nhọn là hung khí gây án; 01 đôi dép quay kẹp màu vàng, 01 đôi dép quay kẹp màu đen hiệu BODONI, không rõ chủ sở hữu; các mảnh thủy tinh vỡ; 01 mảnh nhựa màu đỏ trắng; 01 quần đùi màu xám đen (của tử thi) là các tài sản không còn giá trị sử dụng cũng như 01 cái leng bằng kim loại màu xám dài 1,14m, lưỡi dài 23cm, nơi rộng nhất của lưỡi là 10,5cm do bà Đặng Thị Bạch Y giao nộp nhưng bà Y không yêu cầu nhận lại. Xét thấy cần phải tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Minh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Minh T phạm các tội “Giết người” và “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 17 (mười bảy) năm tù về tội “Giết người; 03 (ba) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung cho hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành là 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/9/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng **Điều 468; Điều 586; Điều 591** Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 81; Điều 82 Bộ luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Minh T đồng ý bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại Cao Minh H là bà Nguyễn Thị O khoản tiền tổn thất về tinh thần 149.000.000 đồng nhưng trừ đi 30.000.000 đồng đưa trước, bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 119.000.000 đồng và cấp dưỡng hàng tháng cho các cháu Nguyễn Thị Tường V, sinh năm 16/7/20XX; Cao Minh Đ1, sinh ngày 18/9/20XX; Cao Thị Trúc L2, sinh ngày 01/7/20XX là con của bị hại

H mỗi cháu bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở tương đương số tiền 745.000 đồng cho đến khi các cháu V, Đ1 và L2 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chưa thi hành án cho đến khi thi hành xong.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2; khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo T: 01 cái áo khoác của T tay dài màu đỏ, ở ngực trái có mạc màu vàng - xanh có chữ Brazil, áo đã qua sử dụng; 01 cái áo vải đen tay dài, 04 cúc áo phía dưới bị đứt mất, tay áo bên phải phía sau bị rách; 01 cái quần sọt Jean màu xám, bị rách túi nhỏ trên bên phải, nhãn hiệu COLLECTION; 01 quần lót màu đen hiệu TOMMY.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn L: 01 xe mô tô biển số 6XS1-XXXXX, số máy C100ME0085268, số khung C100ME0085268, đèn nhan phía trước bên phải bị bể.

Trả lại anh Đặng Long H1: 01 cái leng bằng kim loại màu xám dài 77,2cm, phần lưỡi dài 22,5cm, nơi rộng nhất của lưỡi là 9cm.

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao xếp màu đen, dài 25,5cm, lưỡi dài 12cm, nơi rộng nhất 2,5cm, mũi nhọn; 01 đôi dép quay kẹp màu vàng; 01 đôi dép quay kẹp màu đen hiệu BODONI; các mảnh thủy tinh vỡ; 01 mảnh nhựa màu đỏ trắng; 01 quần đùi màu xám đen; 01 cái leng bằng kim loại màu xám dài 1,14m, lưỡi dài 23cm, nơi rộng nhất của lưỡi là 10,5cm.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 5.950.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp cho người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Đồng Tháp;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV-THATA tỉnh Đồng Tháp;
- Cơ quan CSĐT tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng nghiệp vụ hồ sơ CA tỉnh Đồng Tháp;
- Người bào chữa;
- Bị cáo, bị hại;
- Người đại diện hợp pháp cho bị hại;
- Người có quyền lợi và NVLQ;
- Lưu HSVA, VT (Nhật Minh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)
Lê Khắc Thịnh**